

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1077/QĐ-ĐHTĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**
Trình độ đào tạo : **Thạc sĩ**
Ngành đào tạo : **Quản trị kinh doanh**
Tên Tiếng Anh : **Business Administration**
Mã ngành : **8340101**
Thời gian đào tạo : **2 năm**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị cho các chuyên gia quản lý hoạt động trong các lĩnh vực: quản lý, nghiên cứu, giảng dạy. Sau khi hoàn tất chương trình, người học đạt được các chuẩn đầu ra về: kiến thức, có đủ năng lực, tự tin và khả năng giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản trị trong các doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan nhà nước, có khả năng khởi nghiệp, và nghiên cứu, giảng dạy các kiến thức ngành ở các trường Trung cấp, cao đẳng và đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

G1. Giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành và chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo;

G2. Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

G3. Có trình độ ngoại ngữ, tin học để ứng dụng các phần mềm hiện đại phục vụ nghiên cứu, tính toán và tối ưu các giải pháp trong thực tiễn sản xuất;

❖ Về kỹ năng:

G4. Có khả năng sáng tạo, nhanh chóng giải quyết được các công việc phức tạp không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh;

G5. Có kỹ năng độc lập hoặc phối hợp với các chuyên gia để nghiên cứu, ứng dụng, đề xuất, triển khai và thực hiện các vấn đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

G6. Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch;

G7. Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

G8. Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ.

❖ **Thái độ**

G9. Có năng lực nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn;

G10. Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, tổ chức, đồng nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

K1. Nắm vững các kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin, về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và chuyên ngành nói riêng, về kế toán, tài chính ngân hàng.

K2. Sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ như tiếng Anh, đạt trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và các phần mềm sử dụng trong ngành kinh tế.

2.1.2. Kiến thức ngành

K3. Nắm vững và có hệ thống các khái niệm, các quan hệ và qui luật phát triển của khối kiến thức cơ sở ngành ở mức độ nâng cao.

K4. Nắm vững có hệ thống và hiểu sâu sắc các kiến thức thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

K5. Vận dụng hiệu quả kiến thức lý thuyết vào thực tế các hoạt động của doanh nghiệp/đơn vị để xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch hành động thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp, học viên đạt được các kỹ năng:

2.2.1. Kỹ năng chuyên ngành

S6. Có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong thực tiễn công tác tại doanh nghiệp/ đơn vị có liên quan tới lĩnh vực hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh, nhân sự, ... một cách khoa học nhằm điều hành, kiểm soát doanh nghiệp/ đơn vị một cách tốt nhất.

S7. Phân tích, đánh giá dữ liệu, dự báo và trình bày thông tin một cách độc lập phục vụ việc tổ chức các hoạt động của doanh nghiệp/ đơn vị.

S8. Hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.

2.2.2. Kỹ năng mềm

S9. Khả năng tư duy, linh hoạt và sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

S10. Khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện những nhiệm vụ được giao tại doanh nghiệp/ đơn vị một cách hiệu quả.

S11. Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp; đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác và khách hàng mà vẫn đảm bảo được lợi ích của doanh nghiệp.

S12. Có khả năng tự định hướng và hướng dẫn người khác hoàn thành nhiệm vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C13. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp.

C14. Có khả năng quản lý tốt, thực hiện đánh giá và đề xuất giải pháp cải tiến các hoạt động chuyên môn

C15. Tuân thủ chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trách nhiệm với công việc, xã hội và môi trường.

CDR đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá CTĐT. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô, học viên có đủ năng lực chuyên môn để đảm nhiệm những công việc sau:

- Quản lý các hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp hoặc một bộ phận, một lĩnh vực doanh nghiệp.

- Trưởng thành nhanh, có thể đảm nhiệm chức vụ giám đốc trong doanh nghiệp: Giám đốc kinh doanh, Giám đốc sản xuất, Giám đốc nhân sự, ...

- Tự khởi nghiệp doanh nghiệp của mình và tạo việc làm cho người khác.
- Nghiên cứu, hoạch định và xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học.
- Có thể học tiếp bậc tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học viên chuyên ngành thạc sĩ Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp:

- Đủ trình độ để học bằng thạc sĩ thứ 2 của các chuyên ngành liên quan và Nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản trị kinh doanh và các ngành liên quan tại các trường trong và ngoài nước.

- Tham dự các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề về kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để có thể cập nhật, nâng cao kiến thức cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2,0 năm (4,0 học kỳ; 2,0 học kỳ/năm).

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Tây Đô (<https://tdu.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Tên ngành : Quản trị kinh doanh
- Mã số : 8340101
- Môn thi:

KHỐI KIẾN THỨC	MÔN THI	THỜI GIAN LÀM BÀI
Cơ bản	Kinh tế học	120 phút
Cơ sở	Quản trị học	120 phút
Ngoại ngữ	Anh văn	90 phút

- Khu vực tuyển sinh: Trên toàn quốc.

Đối tượng dự thi chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng những điều kiện sau:

a) Về văn bằng:

- + Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định;

+ Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi, đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ sau khi đã hoàn thành học phần bổ sung kiến thức theo quy định.

b) Đối với thí sinh đăng ký có bằng tốt nghiệp khác ngành đăng ký dự thi thì phải đảm bảo có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khoẻ để học tập; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

e) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 267/QĐ-ĐHTĐ ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được trường xét, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2, Điều 35 theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Tây Đô (ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-ĐHTĐ ngày 01 tháng 6 năm 2016);

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 (điểm C) trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website: www.tdu.edu.vn của Trường.

7. THANG ĐIỂM

1. Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. **Điểm học phần** là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được cán bộ phụ trách quản lý điểm nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh gồm: **60 TC**. Chương trình gồm những học phần chung, học phần cơ sở và học phần chuyên ngành bắt buộc và tự chọn được cấu trúc như sau:

TT	Cấu trúc chương trình	Khối lượng (TC)	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức chung	6	10
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	39	65
3	Luận văn tốt nghiệp	15	25
TỔNG CỘNG		60	100

8.2. Danh mục các học phần

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số	Lí thuyết	Thực hành
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					
Phần 1: Kiến thức chung (6 TC)					
1	001166	Triết học	3	2	1
2	001706	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3	2	1
Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc (21 TC)					
3	001710	Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh	3	2	1
4	001170	Luật kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	001190	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị	3	2	1
6	001783	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	3	2	1
7	001784	Quản trị marketing nâng cao	3	2	1
8	001785	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	3	2	1
9	001786	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1
Phần 3: Kiến thức chuyên ngành tự chọn (18 TC - chọn trong 17 học phần)					
10	001180	Quản trị sản xuất dịch vụ	3	2	1
11	001787	Quản trị chất lượng nâng cao	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số	Lí thuyết	Thực hành
12	001744	Quản trị rủi ro	3	2	1
13	001181	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
14	001182	Hành vi tổ chức	3	2	1
15	001183	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS	3	2	1
16	001184	Quản trị chuỗi cung ứng và logistic	3	2	1
17	001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	3	2	1
18	001186	Quản trị sự thay đổi	3	2	1
19	002188	Quản trị xung đột	3	2	1
20	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
21	001187	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	2	1
22	001189	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1
23	002189	Quản trị khủng hoảng	3	2	1
24	001191	Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty	3	2	1
25	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
26	001171	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
Phần 4: Luận văn tốt nghiệp			15		15
27	001721	Luận văn tốt nghiệp	15		15

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Dự kiến)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
HỌC KỲ 1					
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					
1	001166	Triết học	3	2	1
2	001706	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3	2	1
3	001710	Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
4	001170	Luật kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	001190	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị	3	2	1
TỔNG CỘNG HK1			15	10	5
HỌC KỲ 2					
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					
1	001783	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	3	2	1
2	001784	Quản trị marketing nâng cao	3	2	1
3	001785	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	3	2	1
4	001786	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1
HỌC PHẦN TỰ CHỌN			3	2	1
1	001180	Quản trị sản xuất dịch vụ	3	2	1
2	001189	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1
3	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
4	001171	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
5	001787	Quản trị chất lượng nâng cao	3	2	1
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			15	10	5
HỌC KỲ 3					
HỌC PHẦN TỰ CHỌN					
1	001181	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
2	001182	Hành vi tổ chức	3	2	1
3	001184	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic	3	2	1
4	001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	3	2	1
5	001186	Quản trị sự thay đổi	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
6	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
7	002188	Quản trị xung đột	3	2	1
8	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
9	001187	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	2	1
10	002189	Quản trị khủng hoảng	3	2	1
11	001191	Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty	3	2	1
12	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			15	10	5
HỌC KỲ 4					
	001721	Luận văn tốt nghiệp	15		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			60		

10. ĐỐI SÁNH CTĐT

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD của Trường Đại học Tây Đô được đối sánh với một số CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành của các trường Đại học khác như: Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Tài chính – Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh và Trường Đại học Benedictine (www.ben.edu) tại Lisle, Chicago, Illinois, Mỹ. Trên cơ sở đó để đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình, cụ thể là:

Bảng 5. Bảng đối sánh CTĐT

Mô tả	ĐH Tây Đô		ĐH Cần Thơ		ĐH Tài chính – Marketing TPHCM		ĐH Kinh tế TPHCM		Đại học Benedictine (Mỹ)	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	6	10%	4	7%	9	15%	9	15%	0	0%
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành bắt buộc	21	35%	23	38%	20	33.3%	20	33,3%	52	81,25%

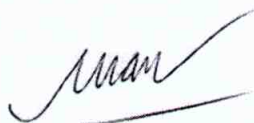
Mô tả	ĐH Tây Đô		ĐH Cần Thơ		ĐH Tài chính - Marketing TPHCM		ĐH Kinh tế TPHCM		Đại học Benedictine (Mĩ)	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tự chọn	18	30%	18	30%	21	35%	21	35%	12	18,75%
Luận văn tốt nghiệp	15	25%	15	25%	10	16,7%	10	16,7%	0	0%
Tổng cộng	60	100%	60	100%	60	100%	60	100%	64	100%

Bảng đối sánh cho thấy, các CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD của các Trường Đại học trong nước nói trên có số tín chỉ cho các nhóm kiến thức phù hợp với yêu cầu về chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với Trường Đại học Cần Thơ, ở khối kiến thức chung, về kiến thức ngoại ngữ, học viên có thể nộp chứng chỉ B1 của các cơ sở đào tạo mà Bộ cho phép, hoặc tham gia học phần ngoại ngữ do trường tổ chức riêng cho học viên theo quy định. Với Đại học Benedictine (Mĩ), học viên không học kiến thức chung và không làm luận văn tốt nghiệp.

11. PHÊ DUYỆT CTĐT

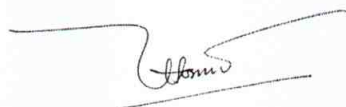
Chương trình đào tạo này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Công Luận

**TRƯỞNG KHOA
ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Phan Văn Thơm

**TRƯỞNG KHOA
QUẢN TRỊ KINH DOANH**



PGS.TS. Đào Duy Huân